

Bản án số: 122/2019/DS-PT

Ngày: 08/11/2019

V/v “Tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Lê Viết Hòa

Ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2019/TLPT-DS ngày 14/10/2019 về việc “Tranh chấp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2019/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị H, sinh năm 1968, Địa chỉ: Tổ 3, khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Nguyễn Ngọc Diễm Hà, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Tổ 5, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Minh T – Luật sư Văn phòng Luật sư M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt)

Địa chỉ: Số 751 Quốc lộ 14, khu phố T, Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1951, Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Vũ Thị Hải A, trú tại: Ấp 1, xã T, Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị M.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tô Thị H và người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Ngọc Diễm Hà trình bày:

Bà H và bà M có quan hệ chơi hụi đã lâu khoảng từ năm 2012 đến thời điểm phát sinh tranh chấp. Bà H là chủ hụi còn bà M là hụi viên. Hình thức chơi hụi là có lãi và hụi này là hụi ăn hoa hồng. Tức là hụi khai giá trị 1.000.000 đồng/kỳ hốt (01 chân) là bà H được hưởng hoa hồng 400.000 đồng/chân. Lý do hụi hoa hồng (đầu thảo) là chủ hụi chịu trách nhiệm đi gom tiền các hụi viên để giao cho người hốt hụi. Nếu hụi viên không đóng đúng kỳ thì bà H phải có trách nhiệm bỏ tiền để chồng đủ tiền cho hụi viên được hốt hụi nhận và hụi viên nhận tiền hốt hụi sẽ đưa lại tiền hoa hồng cho bà H. Hụi này chơi với hình thức chỉ có chủ hụi với hụi viên có quyền lợi, nghĩa vụ trực tiếp còn quan hệ giữa các hụi viên quyền lợi gián tiếp thông qua chủ hụi nên có khi trong một dây hụi các hụi viên chỉ biết chân hụi khai có bao nhiêu người chơi chứ hụi viên có khi không biết mặt nhau. Bà M tham gia hụi của bà H 03 dây hụi cụ thể như sau:

Dây 1: Ngày 10/7/2015 (âm lịch) bà M chơi 60 chân hụi, mỗi chân hụi chết đóng 1.000.000đ chơi, hụi khai 15 tháng và quy ước miễn sao cuối khóa kỳ hụi là bà M phải đóng đầy đủ số tiền hụi chết, sống tương đương với 60 chân. Hụi này cuối kỳ là ngày 10/9/2016 (âm lịch). Dây hụi này bà M đã hốt được 55 chân hụi còn 05 chân hụi chưa hốt (hụi sống). Bà M hốt 55 chân hụi vào thời gian cụ thể như sau:

Lần 1: Bà M hốt 20 chân vào ngày 10/10/2015 (âm lịch), hụi khai giá 195.000đ/chân. Vì vậy bà M được nhận: $(805.000đ \times 11 \text{ kỳ hụi sống}) + 1.000.000đ/\text{chân hụi} \times 03 \text{ kỳ hụi chết} = 237.100.000đ$. Sau đó trừ tiền hoa hồng là $400.000đ/\text{chân hụi} \times 20 \text{ chân hụi đã hốt} = 8.000.000đ$ nên bà M nhận là 229.100.000đ.

Lần 2: Bà M hốt 35 chân vào ngày 10/02/2016 (âm lịch), hụi khai giá 170.000đ/chân. Vì vậy bà M được nhận: $(830.000đ \times 7 \text{ kỳ hụi sống}) + 1.000.000đ/\text{chân hụi} \times 03 \text{ kỳ hụi chết} = 384.300.000đ$. Sau đó trừ tiền hoa hồng là $400.000đ/\text{chân hụi} \times 35 \text{ chân hụi đã hốt} = 12.000.000đ$ nên bà M nhận là 434.350.000đ. Bà M đã đóng đến tháng 10/4/2016 (âm lịch) thì không đóng nữa vì vậy số tiền hụi của 55 chân hụi đã chết đến cuối khóa còn lại là 05 kỳ nên bà M nợ: $55 \text{ chân} \times 1.000.000đ/\text{chân} \times 05 \text{ tháng} = 275.000.000đ$. Khấu trừ số tiền hụi bà M còn sống 05 chân đã đóng được 08 kỳ hụi sống và số tiền nhận là 40.775.000đ nên khấu trừ số tiền hụi chết và bà M còn phải đóng: $275.000.000đ - 40.775.000đ = 234.225.000đ$.

Dây 2: Ngày 12/7/2015 (âm lịch) bà M chơi 10 chân hụi, mỗi chân hụi chết đóng 5.000.000đ chơi, hụi khai 15 tháng và quy ước miễn sao cuối khóa kỳ hụi là bà M phải đóng đầy đủ số tiền hụi chết, sống tương đương với 10 chân. Hụi này cuối kỳ là ngày 12/9/2016 (âm lịch). Dây hụi này bà M đã hốt được 04 chân hụi

còn 06 chân hụi chưa hốt (hụi sống). Bà M hốt 04 chân hụi vào thời gian nào như sau:

Lần 1: Bà M hốt 02 chân vào ngày 12/10/2015 (âm lịch), hụi khui giá 900.000đ/chân. Vì vậy bà M được nhận: $(4.100.000đ \times 11 \text{ kỳ hụi sống}) + (5.000.000đ/\text{chân hụi} \times 03 \text{ kỳ hụi chết}) = 60.100.000đ$. Do bà M hốt hai chân nên số tiền là $60.100.000đ \times 2 = 120.200.000đ$. Sau đó trừ tiền hoa hồng là $2.000.000đ/\text{chân hụi} \times 02 \text{ chân hụi đã hốt} = 4.000.000đ$ nên bà M nhận là 116.200.000đ.

Lần 2: Bà M hốt 02 chân vào ngày 02/10/2015 (âm lịch), hụi khui giá 750.000đ/chân. Vì vậy bà M được nhận: $(4.250.000đ \times 07 \text{ kỳ hụi sống}) + 5.000.000đ/\text{chân hụi} \times 07 \text{ kỳ hụi chết} = 64.750.000đ$. Do bà M hốt hai chân nên số tiền là $64.750.000đ \times 2 = 129.500.000đ$. Sau đó trừ tiền hoa hồng là $2.000.000đ/\text{chân hụi} \times 02 \text{ chân hụi đã hốt} = 4.000.000đ$ nên bà M nhận là 125.500.000đ.

Tổng số tiền bà M nhận tiền hụi là: $116.200.000đ + 125.500.000đ = 241.700.000đ$.

Do bà M đã đóng được 06 chân hụi sống từ ngày 12/7/2015 - 12/4/2016 (âm lịch) với tổng số tiền 246.900.000đ. Khấu trừ vào số tiền bà M phải đóng hụi chết: $05 \text{ tháng} \times 04 \text{ chân hụi chết đóng} 5.000.000đ = 100.000.000đ$, do đó bà H còn nợ lại và phải đưa cho bà M là: $246.900.000đ - 100.000.000đ = 146.900.000đ$.

Dây 3: Ngày 20/10/2015 (âm lịch) bà M chơi 80 chân hụi, mỗi chân hụi chết đóng 1.000.000đ chơi, hụi khui 15 tháng và quy ước miễn sao cuối khóa kỳ hụi là bà M phải đóng đầy đủ số tiền hụi chết, sống tương đương với 80 chân. Hụi này cuối kỳ là ngày 20/11/2016 (âm lịch). Dây hụi này bà M đã hốt được 70 chân hụi, còn 10 chân hụi chưa hốt (hụi sống). Bà M hốt 70 chân hụi vào thời gian cụ thể như sau:

Lần 1: Bà M hốt 15 chân vào ngày 20/12/2015 (âm lịch), hụi khui giá 220.000đ/chân. Vì vậy bà M được nhận: $(780.000đ \times 12 \text{ kỳ hụi sống}) + (1.000.000đ/\text{chân hụi} \times 02 \text{ kỳ hụi chết}) = 11.360.000đ$. Do bà M hốt 15 chân nên số tiền là $11.360.000đ \times 15 = 170.400.000đ$. Sau đó trừ tiền hoa hồng là $400.000đ/\text{chân hụi} \times 15 \text{ chân hụi đã hốt} = 6.000.000đ$ nên bà M nhận là 164.400.000đ.

Lần 2: Bà M hốt 20 chân vào ngày 20/01/2016 (âm lịch), hụi khui giá 220.000đ/chân. Vì vậy bà M được nhận: $(780.000đ \times 11 \text{ kỳ hụi sống}) + (1.000.000đ/\text{chân hụi} \times 03 \text{ kỳ hụi chết}) = 11.580.000đ$. Do bà M hốt 20 chân nên số tiền là $11.580.000đ \times 20 = 231.600.000đ$. Sau đó trừ tiền hoa hồng là $400.000đ/\text{chân hụi} \times 20 \text{ chân hụi đã hốt} = 8.000.000đ$ nên bà M nhận là 223.600.000đ.

Lần 3: bà M hốt 35 chân vào ngày 20/03/2016 (âm lịch), hụi khui giá 170.000đ/chân. Vì vậy bà M được nhận: $(830.000đ \times 09 \text{ kỳ hụi sống}) + (1.000.000đ/\text{chân hụi} \times 05 \text{ kỳ hụi chết}) = 12.470.000đ$. Do bà M hốt 35 chân nên số tiền là $12.470.000đ \times 35 = 436.450.000đ$. Sau đó trừ tiền hoa hồng là $400.000đ/\text{chân hụi} \times 35 \text{ chân hụi đã hốt} = 14.000.000đ$ nên bà M nhận là

422.450.000đ. Tổng số tiền bà M nhận đây hội thứ 3 là: 164.400.000đ + 223.600.000đ + 422.450.000đ = 810.450.000đ. Do bà M đã đóng được 10 chân hội sống từ ngày 20/10/2015 - 20/3/2016 (âm lịch) được 06 kỳ hội sống với tổng số tiền 48.220.000đ. Khấu trừ vào số tiền bà M phải đóng hội chết: 09 tháng x 70 chân hội chết đóng 1.000.000đ = 630.000.000đ do đó bà M còn nợ lại bà H đây hội thứ 3 là: 630.000.000đ - 48.220.000đ = 581.780.000đ.

Tổng kết số tiền 03 lần chơi hội của các đây hội ngày: 10/7/2015 (âm lịch), ngày 12/7/2015 (âm lịch), ngày 20/10/2015 (âm lịch) sau khi khấu trừ thì bà M còn phải trả cho bà H là: ngày 10/7/2015 (âm lịch) là 234.225.000đ + ngày 20/10/2015 (âm lịch) 581.780.000đ = 816.005.000đ. Khấu trừ hội ngày 12/7/2015 (âm lịch) là 146.900.000đ nên bà M còn phải trả cho bà H là: 816.005.000đ - 146.900.000đ = 669.105.000đ. Sau khi bà M hốt hội thì ngày 02/5/2016 (âm lịch) bà M có đưa thêm cho bà H số tiền 38.435.000đ và có đưa 03 giấy ghi hội bà M viết là có thể hiện có chơi hội của bà H các ngày: 10/7/2015 (âm lịch) - 12/7/2015 (âm lịch) - 20/10/2015 (âm lịch) còn bà viết nội dung gì thì bà H không thể giải thích được. Bà H yêu cầu bà M phải trả số tiền nợ hội mà bà H phải thực hiện nghĩa vụ thay để đóng tiền hội cho các hội viên là : 630.670.000đ (Sáu trăm ba mươi triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Tô Thị H đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ là: 03 giấy bà M viết là có thể hiện có chơi hội của bà H các ngày: 10/7/2015 (âm lịch) - 12/7/2015 (âm lịch) - 20/10/2015 (âm lịch), 01 đĩa ghi âm.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bà Phạm Thị M có tham gia chơi hội do bà H làm chủ hội năm 2012 nhưng hội đã mãn và không có tham gia chơi 03 đây hội của bà H nêu trên. Đối với 03 giấy viết hội do bà H cung cấp chứng cứ thì đây là chữ viết của bà M. Tuy nhiên, 03 giấy viết hội này là bà M viết cho người khác chứ không phải viết hội cho bà H. Trước yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà M trả số tiền nợ hội 630.670.000đ (Sáu trăm ba mươi triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng) thì bà M không đồng ý vì không có tham gia chơi hội.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DSST ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị H.

Buộc bà Phạm Thị M có trách nhiệm trả cho bà Tô Thị H số tiền 630.670.000 đồng (Sáu trăm ba mươi triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 28/8/2019 bị đơn bà Phạm Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị H do bà M không chơi hội với bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc bà M trả cho bà H số tiền hui 630.670.000 đồng, tuy nhiên bà M thuộc diện người cao tuổi không phải chịu án phí sơ thẩm nên cần sửa bản án sơ thẩm về phần này.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Tô Thị H, bị đơn bà Phạm Thị M vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà H cho rằng bị đơn bà M có tham gia chơi 03 dây hui của bà H cụ thể:

- Dây 1: Ngày 10/7/2015 (âm lịch) bà M chơi 60 chân, mỗi chân hui đóng 1.000.000 đồng/chân, hui có kỳ hạn là 15 tháng, quy ước cuối kỳ bà M phải đóng số tiền hui chết và sống tương đương với 60 chân. Dây hui này bà M đã hốt được 55 chân hui, còn 05 chân hui chưa hốt với tổng số tiền bà M đã hốt là 663.450.000 đồng, số tiền chưa đóng chân hui chết là 234.225.000 đồng (sau khi trừ đi 05 chân hui sống mà bà M đã đóng được 08 kỳ)

- Dây 2: Ngày 12/7/2015 (âm lịch), bà M chơi 10 chân, mỗi chân hui là 5.000.000 đồng/chân, hui có kỳ hạn 15 tháng, cũng quy ước cuối kỳ bà M phải đóng số tiền hui chết, sống tương đương với 10 chân. Đối với dây hui này bà M đã hốt 04 chân hui (hui chết), còn 06 chân hui chưa hốt (hui sống). Tổng số tiền hui bà M đã hốt là 241.700.000 đồng, do bà M đã đóng 06 chân hui sống với tổng số tiền

246.900.000 đồng, sau khi trừ đi 04 chân hụi chết bà M chưa đóng 100.000.000 đồng thì bà M còn dư lại số tiền 146.900.000 đồng.

- Dây 3 ngày 20/10/2015 (âm lịch) bà M chơi 80 chân, mỗi chân đóng 1.000.000 đồng, hụi có kỳ hạn 15 tháng cũng quy ước cuối kỳ bà M phải đóng số tiền hụi chết, sống tương đương với 80 chân. Đối với dây hụi này bà M đã hốt 70 chân (hụi chết); còn 10 chân hụi chưa hốt (hụi sống). Tổng số tiền hụi bà M đã hốt là 810.450.000 đồng, số tiền bà M chưa đóng 70 chân hụi chết là 581.780.000 đồng (sau khi trừ đi số tiền 10 chân hụi sống bà M đã nộp).

Do sau khi hốt hụi thì bà M không tiếp tục đóng tiền hụi chết theo thỏa thuận nên bà H phải đóng tiền thay cho bà M để các hụi viên khác hốt hụi vào cuối kỳ, nhưng từ đó đến nay bà H đã nhiều lần yêu cầu bà M trả tiền nhưng bà M không trả nên bà H khởi kiện yêu cầu bà M phải trả lại cho bà H số tiền hụi chưa đóng là 630.670.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng thừa nhận là bà M có tham gia chơi hụi của bà H từ năm 2012, tuy nhiên đối với 03 dây hụi ngày 10/7/2015 (âm lịch); ngày 12/7/2015 (âm lịch); ngày 20/10/2015 (âm lịch) bà M không chơi, cũng không nhận số tiền hốt hụi ở 03 dây hụi như nguyên đơn trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà H và người đại diện theo ủy quyền của bà H thừa nhận việc các bên thỏa thuận chơi hụi, số tiền đóng hụi, kỳ hạn khai hụi chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không lập giấy tờ gì, bà H cũng không lập danh sách các hụi viên tham gia vào các dây hụi, chứng cứ để chứng minh bà M có tham gia chơi 03 dây hụi nêu trên là 02 tờ giấy (Bút lục 488; 489), 01 giấy thanh toán tiền hụi từ tháng 4/2016 âm lịch (Bút lục 490) và 01 đĩa ghi âm cuộc đối thoại giữa ông Hoàng Kim D và bà H.

Xét các chứng cứ do bà H cung cấp thấy rằng: nội dung 02 tờ giấy (Bút lục 488, 489) chỉ ghi số dây sống, chết và số tiền theo tính toán của bà H nhưng không thể hiện rõ đây là dây hụi nào, của năm nào; tương tự bản thanh toán tiền hụi cũng không ghi là thanh toán cho dây hụi nào, các dây hụi theo liệt kê “1) hụi 5/4”; “2) hụi 10+12/4”; 3) hụi 20/4” cũng không có sự trùng khớp thời gian với 03 dây hụi mà bà H đang khởi kiện, cả 03 giấy trên đều không có chữ ký xác nhận của hai bên; khi bà M hốt hụi các bên cũng không lập giấy tờ gì, bà H thừa nhận do bà giao tiền cho bà M tại nhà bà M nên cũng không có ai là người làm chứng. Mặc dù, phía bị đơn bà M cho rằng chữ viết màu mực xanh trong 03 giấy trên là của bà nhưng với 02 giấy (bút lục 488, 489) là bà M viết cho các dây hụi đã thanh toán, còn giấy thanh toán (bút lục 490) bà M viết cho người khác không phải viết cho bà H. Đối với đĩa CD ghi âm cuộc đối thoại giữa bà H và ông Dũng, xét thấy mặc dù ông Dũng thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của ông Dũng nhưng tại thời điểm ghi âm ông Dũng chỉ trao đổi với bà H với tư cách là chồng của bà Oanh (cháu của

bà M), ông Dũng không được bà M ủy quyền giải quyết việc tranh chấp hội với bà H nên bà H cho rằng lời nói ông Dũng trong băng ghi âm là căn cứ xác định bà M chơi 03 dây hội nêu trên là không có cơ sở, hiện nay bà H cũng không có thêm tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh.

Hơn nữa, theo lời trình bày của các hội viên theo danh sách do bà H lập (sau khi các bên phát sinh tranh chấp) đều khai các ông bà có tham gia vào 03 dây hội ngày 10/7/2015 (âm lịch); ngày 12/7/2015 (âm lịch); ngày 20/10/2015 (âm lịch) do bà H làm chủ hội nhưng trong các dây hội các hội viên chủ yếu giao dịch với bà H liên quan đến phần hội của mình và không biết mặt các hội viên còn lại, danh sách hội viên do bà H nắm, hằng tháng khi hốt hội cũng không có mặt đầy đủ các hội viên mà người nào cần hốt sẽ có mặt để bốc thăm lĩnh hội, quá trình chơi hội các ông bà cũng có nghe bà H nói bà M có chơi nhưng là chỉ nghe bà H nói lại, các ông bà không biết chính xác.

Từ những phân tích như trên thấy rằng không có cơ sở xác định bà M có tham gia chơi 03 dây hội ngày 10/7/2015 (âm lịch); ngày 12/7/2015 (âm lịch); ngày 20/10/2015 (âm lịch), cũng không có tài liệu thể hiện bà M còn nợ của bà H số tiền hội còn lại 630.670.000 đồng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào 03 giấy nêu trên và đoạn ghi âm cho rằng bà M có chơi hội, đã lãnh tiền hội nhưng đến kỳ đóng hội lại không đóng, vi phạm Điều 25 Nghị định số 144 năm 2006 nên buộc bà M trả cho bà H số tiền 630.670.000 đồng là không phù hợp với quy định pháp luật.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà M, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Do sửa án sơ thẩm nên án phí được tính lại như sau:

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà H phải chịu đối với yêu cầu của bà H không được chấp nhận là 29.226.800 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà M không phải chịu.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị M.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DSST ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Áp dụng Điều 427, 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị H về việc buộc bị đơn bà Phạm Thị M trả số tiền hội chưa đóng là 630.670.000 đồng (Sáu trăm ba mươi triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Tô Thị H phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 29.226.800 đồng, được khấu trừ vào số tiền bà H đã nộp 14.613.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008209 ngày 08/8/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Số tiền còn lại bà Tô Thị H phải nộp là 14.613.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng)

Bị đơn bà Phạm Thị M không phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Phạm Thị M không phải chịu. Chi cục thi hành án huyện C hoàn trả cho bà M số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003763 ngày 30/8/2019.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh